ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1292 /KH-UBND	*Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030;

Thực hiện Công văn số 8713/BNN&MT-VPĐP ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng kế hoạch và tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức rà soát, xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Nghị định quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; bảo đảm chốt số liệu cuối kỳ giai đoạn 2021 - 2025, làm cơ sở phục vụ công tác quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư[1].

Tổ chức rà soát, xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại Nghị định số 351/2025/NĐ-CP của Chính phủ; thực hiện

[1] Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT quy định: "Việc rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 09 năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 theo Quy định tại Thông tư này làm căn cứ để thực hiện chính sách giảm nghèo từ 01 tháng 01 năm 2027.

quy trình, phương pháp rà soát theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, làm cơ sở xác định đối tượng và thực hiện các chính sách giảm nghèo từ ngày 01/01/2027.

Cập nhật đầy đủ, chính xác kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 lên Hệ thống cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo tại csdlhn.mae.gov.vn theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; phục vụ xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Yêu cầu

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự tham gia, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân; thực hiện đúng đối tượng, tiêu chí, quy trình, phương pháp và tiến độ theo quy định. Quá trình rà soát phải bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, công bằng, chính xác, phản ánh đúng thực trạng đời sống của hộ gia đình; xác định đầy đủ số hộ thoát nghèo, hộ tái nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh trên địa bàn từng ấp, khu phố.

Kết quả rà soát phải được kiểm tra, thẩm định, tổng hợp và công nhận theo đúng quy định; xác định chính xác số lượng, danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn từng xã, phường. Danh sách sau khi được công nhận là cơ sở để cập nhật, quản lý dữ liệu, xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình, giải pháp giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội đúng đối tượng, kịp thời, hiệu quả, tránh trùng lặp, bỏ sót hoặc xác định không đúng đối tượng.

Bảo đảm thống nhất, đồng bộ dữ liệu giữa kết quả rà soát tại cơ sở với hệ thống cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, thống nhất của thông tin, số liệu được cập nhật, tổng hợp và báo cáo.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng: Hộ gia đình trên địa bàn toàn tỉnh; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

2. Phạm vi: Tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

3. Thời gian thực hiện: từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 15/12/2026.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ PHỤC VỤ RÀ SOÁT

1. Phương pháp rà soát

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện bằng phương pháp khảo sát, thu thập thông tin trực tiếp tại hộ gia đình. Kết quả khảo sát nhằm ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Điều 2 và Điều 3 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Công cụ phục vụ rà soát

2.1. Đối với việc rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025

Công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiến hành theo trên 02 loại phiếu[2]:

- Phiếu B, Phụ lục III: Phiếu rà soát xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo.

- Các mẫu biểu: Mẫu số 7.1, Mẫu số 7.2, Mẫu số 7.3 Phụ lục VII Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường[3].

2.2. Đối với việc rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030

Công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiến hành theo trên 03 loại phiếu[4]:

- Phiếu A, Phụ lục II: Nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình.

- Phiếu B1, Phụ lục II: Đánh giá, chấm điểm Đ của hộ gia đình.

- Phiếu B2, Phụ lục II: Thông tin thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình.

- Phiếu C, Phụ lục II: Tổng hợp thông tin chung về hộ gia đình.

- Các mẫu biểu tại Phụ lục số III được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNN&MT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

IV. CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU

Chuẩn nghèo đa chiều là căn cứ để xác định, đo lường mức độ thiếu hụt về thu nhập và các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình; đồng thời, là cơ sở xác định đối tượng thụ hưởng các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và phục vụ công tác xây dựng, triển khai các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Việc rà soát, xác định và công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 351/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bảo đảm phù hợp với thời điểm áp dụng chuẩn nghèo mới trong năm 2026. Cụ thể:

1. Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ[5], gồm các tiêu chí cụ thể:

---

[2] Chi tiết được thực hiện theo quy định tại Điều 1 Văn bản Hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 ngày 30/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

[3] Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo.

[4] Theo Quy dịnh tại Điều 4 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

[5] tại Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP của Chính phủ: quy định Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia năm 2026 được tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số

1.1. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Chuẩn hộ nghèo

Khu vực nông thôn: là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức đột hiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

Khu vực nông thôn: là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

Khu vực thành thị: là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức đột hiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

1.2. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (Quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ). Cụ thể như sau:

Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: Việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; tiếp cận thông tin.

Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: Việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

2. Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030

Chuẩn nghèo đa chiều được quy định tại Điều 3 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP của Chính phủ, để làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo từ ngày 01/01/2027, gồm các tiêu chí cụ thể:

2.1. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Chuẩn hộ nghèo

Hộ nghèo khu vực nông thôn: Là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

07/2021/NĐ-CP của Chính phủ từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026, là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2026.

Hộ nghèo khu vực đô thị: Là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

2.2. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập

Khu vực nông thôn: 2.200.000 đồng/người/tháng.

Khu vực thành thị: 2.800.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: Việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; thông tin; nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường.

Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: Việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; sử dụng dịch vụ viễn thông và dịch vụ số cơ bản; nguồn nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh, xử lý rác thải.

V. QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Đối với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát *(bao gồm số hộ phát sinh trong năm)*, người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B - Phụ lục IV kèm theo Kế hoạch *(gồm Mẫu số 3.1. Phiếu B1 - Thông tin chung về hộ gia đình, Mẫu số 3.2. Phiếu B2 - Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản, Mẫu số 3.3. Bảng quy ước điểm Phiếu B1, Mẫu số 3.11. Bảng điểm chỉ tiêu dinh dưỡng)* để rà soát, phân loại hộ gia đình.

Trên cơ sở phiếu thu thập được, Trưởng ấp, khu phố tiến hành tổng hợp và phân loại hộ gia đình. Căn cứ chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 được quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ, xác định phân loại thành 03 nhóm: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo *(bao gồm hộ nghèo thoát và hộ cận nghèo thoát)*.

Căn cứ kết quả phân loại của ấp, khu phố, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

- Báo cáo kết quả rà soát và danh sách thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối,

chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (chốt số liệu cuối kỳ) theo Phụ lục V kèm theo Kế hoạch này.

- Tổng hợp, báo cáo các Mẫu biểu theo Phụ lục VI kèm theo Kế hoạch này, gồm: Mẫu số 7.1. Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (sơ bộ/chính thức); Mẫu số 7.2. Tổng hợp diễn biến hộ nghèo trong năm; Mẫu số 7.3. Tổng hợp diễn biến hộ cận nghèo trong năm.

2. Đối với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030

2.1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bao gồm:

a) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát (bao gồm số hộ phát sinh trong năm).

Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

b) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

2.2. Tổ chức rà soát, tính điểm và phân loại hộ gia đình

a) Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát. Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, tiến hành tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình theo quy định.

b) Lập Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với hộ gia đình đủ điều kiện sau phân loại.

2.3. Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Thành phần cuộc họp: Trưởng ấp/Trưởng khu phố (chủ trì); đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, một số hộ gia đình cư trú trên địa bàn ấp/khu phố.

c) Nội dung cuộc họp: lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định.

Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo rà soát lại.

d) Kết quả cuộc họp: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Biên bản được lưu 01 bản tại ấp, khu phố; 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.4. Niêm yết, thông báo công khai

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức niêm yết, thông báo công khai Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, khu phố, Cổng thông tin điện tử cấp xã và qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

b) Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại ấp, khu phố.

c) Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo tổng hợp Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả rà soát.

2.5. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bảo đảm quy định về thời gian rà soát; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo,

hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trước ngày 31/12/2026. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại ấp, khu phố.

VI. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Công tác tổ chức, chuẩn bị lực lượng

1.1. Cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chí, quy trình, phương pháp và thời gian quy định.

Tổng hợp, theo dõi tiến độ và kết quả rà soát trên địa bàn tỉnh; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

1.2. Ủy ban nhân dân cấp xã

Xây dựng và ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tiến độ thực hiện Kế hoạch này.

Chủ động bố trí lực lượng thực hiện công tác rà soát trên địa bàn. Căn cứ số lượng ấp, khu phố và quy mô dân số, hộ gia đình của từng địa bàn để bố trí số lượng rà soát viên phù hợp; rà soát viên phải am hiểu địa bàn, nắm được đặc điểm hộ gia đình, có kinh nghiệm hoặc được tập huấn nghiệp vụ rà soát và bảo đảm đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường phân công công chức phụ trách công tác giảm nghèo chủ trì, phối hợp với công chức có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn quá trình rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn theo đúng quy định.

Tùy điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân xã, phường báo cáo cấp ủy để thống nhất việc thành lập hoặc không thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Trường hợp không thành lập Ban Chỉ đạo riêng, xem xét giao Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác rà soát, bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền và sự tham gia, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân.

Tổ chức rà soát, tổng hợp, thẩm định kết quả; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo kết quả về Sở

Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường .

2. Công tác tuyên truyền

Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026, với các nội dung chủ yếu sau:

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp tại địa phương; đồng thời, lồng ghép trong sinh hoạt chi bộ, họp dân, hội nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hoạt động cộng đồng, bảo đảm thông tin được phổ biến đến từng hộ gia đình, người dân trên địa bàn.

- Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và thời gian thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026; trong đó, làm rõ việc rà soát trong năm 2026 được thực hiện theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 để chốt số liệu cuối kỳ và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 theo thời điểm áp dụng quy định.

- Phổ biến các quy định về chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; các tiêu chí về thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định hiện hành.

- Thông tin rõ về nội dung, phương pháp và quy trình rà soát; việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện trên cơ sở các thông tin về nhân khẩu, việc làm, điều kiện sống, tài sản, tư liệu sản xuất và mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định, không thực hiện điều tra trực tiếp thu nhập của hộ gia đình.

- Thông tin về quyền, trách nhiệm của hộ gia đình và người dân trong việc cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin phục vụ rà soát; tham gia góp ý đối với danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo tại ấp, khu phố, góp phần bảo đảm kết quả rà soát công khai, dân chủ, khách quan, chính xác và minh bạch.

VII. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 được triển khai theo các mốc thời gian sau:

- Trước ngày 20/9/2026: Uỷ ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch rà soát; thành lập Tổ giám sát và Tổ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã.

- Trước ngày 10/10/2026: Tổ chức và hoàn thành công tác tập huấn nghiệp vụ cho công chức cấp xã và người thực hiện rà soát tham gia thực hiện công tác rà soát *(Sở Nông nghiệp và Môi trường)*.

- Trước ngày 10/11/2026: Cấp xã hoàn thành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo *(theo đúng quy trình tại Mục V Kế hoạch này)*, lập báo cáo bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp.

- Trước ngày 15/11/2026: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa

chiều giai đoạn 2022-2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030 về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Trước ngày 05/12/2026: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua kết quả rà soát, gửi báo cáo chính thức cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo từ nguồn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2026 và ngân sách cấp tỉnh).

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán, đề xuất nguồn kinh phí phục vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm phù hợp với quy định và khả năng cân đối ngân sách.

Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện công tác rà soát bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chí, quy trình, phương pháp và tiến độ theo Kế hoạch.

Chủ trì ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức cập nhật, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo của tỉnh; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật dữ liệu trên hệ thống theo quy định.

Chủ trì tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn tỉnh; tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo quy định; tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo yêu cầu.

Kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Thống kê tỉnh

Phối hợp, cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các xã, phường các thông tin, số liệu thống kê về hộ dân cư, nhân khẩu và các số liệu có liên quan theo thẩm quyền để phục vụ công tác rà soát, tổng hợp, tính toán tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo đảm thống nhất, chính xác giữa các cấp.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về giảm nghèo và nội dung Kế hoạch; vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia, phối hợp thực hiện công tác rà soát.

Tham gia giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa phương; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, góp phần bảo đảm kết quả rà soát công khai, dân chủ, khách quan, chính xác và đúng đối tượng.

5. Thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Đồng Tháp

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, tham gia chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát và đôn đốc công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại các xã, phường; kịp thời phản ánh, đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường định hướng, cung cấp thông tin và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung, tiêu chí, quy trình và thời gian thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026; tạo sự đồng thuận, nâng cao nhận thức và sự tham gia của người dân.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Tháp

Phối hợp tuyên truyền về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và các chủ trương, chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Xây dựng và ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tiến độ thực hiện Kế hoạch này; bố trí lực lượng, phân công nhiệm vụ và tổ chức thực hiện công tác rà soát bảo đảm đúng quy trình, phương pháp và thời gian quy định.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến mục đích, ý nghĩa, nội dung, tiêu chí, quy trình và yêu cầu của công tác rà soát; huy động sự tham gia, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân trên địa bàn.

Tổ chức rà soát, kiểm tra, thẩm định, tổng hợp kết quả; thực hiện công khai danh sách dự kiến theo quy định; quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

Cập nhật đầy đủ, chính xác kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 lên hệ thống cơ sở dữ liệu tại csdlhn.mae.gov.vn theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng thời gian, biểu mẫu quy định, gồm:

- Báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn xã, phường theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025 và chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

- Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025 sau rà soát, phục vụ chốt số liệu cuối kỳ, xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Phụ lục V và các Mẫu số 7.1, 7.2, 7.3 tại Phụ lục VI kèm theo Kế hoạch;

- Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau rà soát theo Mẫu số 05 Phụ lục I và các biểu mẫu báo cáo tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, khách quan, thống nhất và kịp thời của kết quả rà soát, số liệu báo cáo và dữ liệu được cập nhật trên hệ thống.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như thành phần IX;
- Bộ NNMT (báo cáo);
- VPĐP NTM TW;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, P. KGVX, P. KT(NTB).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn